

PHỤ LỤC 2:

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC- KHỐI MG 5-6 TUỔI
NĂM HỌC 2025-2026

MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG 1. Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	1. Hô hấp: Hít vào, thở ra. 2. Động tác phát triển cơ tay và bắp vai + ĐT 1: Tay đưa ra trước, sau + ĐT 2: Đưa ra phía trước, sang ngang + ĐT 3: Đánh xoay tròn hai cánh tay + ĐT 4: Đánh chéo tay ra hai phía trước, sau + ĐT 5: Luân phiên từng tay đưa lên cao 3. Động tác phát triển lưng bụng + ĐT 1: Đứng cúi người về phía trước + ĐT 2: đứng quay người sang hai bên phải, trái + ĐT 3: Nghiêng người sang trái, phải + ĐT 4: Cúi người về phía trước ngửa ra sau + ĐT 5: Quay người sang hai bên 4. Động tác phát triển cơ chân + ĐT 1: Khụy gối + ĐT 2: Bật đưa chân sang ngang (tách chụm) + ĐT 3: Đưa chân ra phía trước + ĐT 4: Nâng cao chân, gập gối + ĐT 5: Bật về các phía Nhảy lên phía trước - Nhảy lùi phía sau - Nhảy sang bên phải - Nhảy sang bên trái
2. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể và Kiểm soát khi thực hiện được vận động đi –chạy	- Đi trên dây, Đi trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,30m- một đầu kê cao 0,30m.) - Đi trên ghế băng đầu đội túi cát. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây. - Đi/chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần). - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối - Đi theo đội hình đội ngũ (đi bước chéo sang ngang. - Đi đều bước. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Chạy 18 m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120 m. - Chạy và vượt qua chướng ngại vật - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian

3. Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động Tung- ném- bắt- chuyền	-Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích nằm ngang (xa 2 m x cao 1,5 m- Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Ném xa bằng 1 tay, - Ném xa bằng 2 tay. - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. - Chuyền , bắt bóng trên đầu, qua chân. - Chuyền bóng bằng 2 tay (Trên đầu, ra sau lưng hoặc ra phía trước- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, Đập bắt bóng tại chỗ
4. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động Bò- trườn trèo.	-Bò bằng bàn tay, bàn chân(Bò giữa 2 vạch kẻ R40cm x D:4-5 m) - Bò đích dắc qua 7 điểm, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. - Bò chui qua ống dài(1,5m x 0,6m. - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài(1.5m x 30cm) - Trèo lên xuống 7 giống thang
5. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện vận động Bật- nhảy.	-Bật liên tục vào vòng. - Bật xa 40-50 cm. - Bật từ trên cao xuống(40-45cm) - Bật tách khếp chân qua 7 ô - Bật qua vật cản 15-20cm. - Nhảy lò cò 5m
6. Trẻ phối hợp và thực hiện được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động.	- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Bẻ, nắn - Lấp ráp. - Xé các đưng vòng cung - Tô, đồ theo nét - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. -Cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).¹
7. Trẻ tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Hứng thú tham gia vào hoạt động học tập. - Biết ngồi ngăn ngắn, đứng tư thế khi tham gia học tập. - Biết giữ trật tự và ý thức tổ chức kỷ luật trong giờ học. - Phát biểu khi có ý kiến cần trao đổi.
• GD DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	- Ăn uống đủ chất dinh dưỡng

8. Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối. Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A: + Trẻ trai : + Cân nặng:15,9-27,1kg + Chiều cao: 106,1- 125,8cm. + Trẻ gái: + Cân nặng:15,3- 27,8 kg. + Chiều cao: 104,9-125,4cm	- Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ: rửa tay, lau mặt, đánh răng, tắm gội sạch sẽ - Tập tập thể dục thường xuyên vào mỗi buổi sáng. - Cân đo và khám sức khỏe định kỳ. - Ngủ đủ giấc theo độ tuổi (140- 150 phút) - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
9. Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm và nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản. Trẻ biết làm một số món ăn đơn giản.	- Nhận biết , phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm: + TP giàu đạm: Thịt, cá, trứng, sữa ,... + TP giàu VTM: rau xanh, củ, quả chín. + TP giàu chất bột đường: gạo ngô, khoai, sắn, bánh mì và các loại bánh + TP giàu Lipit: Lạc, vừng đậu, mỡ động vật, dầu thực vật, bơ, dừa. - Một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Trứng rán, trứng ốp la, cá kho, thịt kho tàu, chả cuốn, cá sốt cà chua, ruốc bông, xúc xích, tôm rim mặn ngọt, tôm chiên xù, cơm, xôi, cháo, phở. - Trẻ làm quen với một số thao tác chế biến món ăn, nước uống đơn giản trong khi chơi. Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất: - Bóc trứng cút; làm bánh trôi; Pha nước chanh; pha nước trà tắc. - Dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ trong ăn uống.
10. Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
11. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày: Tự phục vụ bản thân trong sinh hoạt, vệ sinh cá nhân.	- Rèn kỹ năng Tự đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Dạy trẻ kỹ năng Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.

	- Rèn trẻ kỹ năng sử dụng đồ dùng vệ sinh. - Cát đặt đồ dùng cá nhân đúng nơi quy định. - Sử dụng đồ dùng cá nhân, khăn, cốc đúng ký hiệu riêng của mình.
12. Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi. - Giúp cô chuẩn bị bữa ăn: Kê bàn ăn, trải khăn trải bàn, chia suất ăn cho các bạn trong lớp. - Ăn xong cất bát thìa đúng nơi quy định. - Tự biết chọn món ăn theo ý thích khi tham dự tiệc Buffet.
13. Trẻ có một số hành vi và thói quen văn minh trong ăn uống, vệ sinh, phòng bệnh.	- Rèn kỹ năng ăn uống văn minh: Mời cô, mời bạn khi ăn. Không đùa nghịch, cười nói khi đang ăn, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Biết che miệng khi ho và hắt hơi trong khi ăn - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - GD kỹ năng phòng bệnh: Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh; trời mưa biết che ô, mang áo mưa. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Biết giữ quần áo, đầu tóc gọn gàng. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Kỹ năng phòng bệnh Covid 19 như đeo khẩu trang, rửa tay sát khuẩn, giữ khoảng cách an toàn.....
14. Biết được những vật dụng nguy hiểm như: bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng : bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm. - Nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. - Không tự ý bật tắt những đồ dùng bằng điện khi không được sự cho phép của người lớn. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người lớn giúp đỡ. - Rèn kỹ năng phòng tránh nguy hiểm

15. Biết những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.	- Những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. - Rèn kỹ năng đơn giản ban đầu về đuối nước: Không tự đi một mình đến hồ, ao, bể chứa nước, giếng. Khi tắm phải có người lớn đi cùng. Nếu thấy có trường hợp đuối nước phải gọi người lớn giúp đỡ, không được tự ý nhảy xuống hồ, ao, bể chứa nước, giếng, biển... để cứu người bị nạn.
16. Trẻ biết không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ; không uống rượu, bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn	- Biết không tự ý uống thuốc. - Không ăn thức ăn có Ôi thiu, hết hạn sử dụng. - Biết một số loại nước uống: rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. - Nước ngọt không được uống trước khi ăn. - Trò chơi: Bác sỹ của bé; Cửa hàng bách hóa.
17. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Tổ chức trò chơi : Em đi qua ngã tư đường phố. - Rèn kỹ năng thoát hiểm (Đuối nước, ngã, chảy máu,...) ; Người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.
18. Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	- Địa chỉ gia đình, số điện thoại của bố mẹ và người thân. - Khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Rèn kỹ năng sử dụng một số điện thoại trong trường hợp cần thiết: Cấp cứu 115, cứu hỏa cứu nạn 114, cảnh sát 113. - Tổ chức dạng trò chơi, tiểu phẩm: Bị lạc đường; gặp cháy khi ở nhà 1 mình; Tự bảo vệ mình....
19. Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Trả trẻ: Bố mẹ, người thân đón, không trả cho người lạ, nếu không được sự cho phép ủy quyền của người thân trong gia đình. - Rèn kỹ năng lễ phép. - Đi bộ bên lề đường bên phải; trước khi sang đường phải quan sát các hướng, đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
20. Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không đến gần người hút thuốc lá	- Tránh xa, không lại gần người hút thuốc lá. – - - Nhắc nhở bố (anh và người thân) không hút thuốc lá.

II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
KHÁM PHÁ KHOA HỌC 21. Trẻ biết được chức năng các giác quan và bộ phận khác trên cơ thể	- Cơ thể bé - Bé lên lên như thế nào. - Một số bộ phận trên cơ thể. - Tìm hiểu các giác quan. - Nhu cầu của cơ thể
22. Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng:	-Thích tìm hiểu, khám phá, đặt câu hỏi khi tìm hiểu các sự vật hiện tượng xung quanh
23. Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để sờ, nếm, ngửi, cảm nhận và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Trò chơi cảm giác; xúc giác; thính giác. - Như Bịt mắt bắt dê; Đoán tên đồ vật qua mùi vị; mô phỏng (sờ và mô tả đặc điểm, người khác trả lời)
24. Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Thí nghiệm: Gieo hạt; Tan hay không tan; Chìm nổi Nước sạch nước bẩn. Sự kỳ diệu của nước. Bắt gió Sự bay hơi của nước.
25. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Nghe kể chuyện đọc thơ. - Xem tranh truyện. - Làm quen với đọc sách. - Làm ambul truyện tranh theo chủ đề - Quan sát các sự vật hiện tượng xung quanh. - Thảo luận nhóm - Trò chơi
26. Trẻ biết gọi tên, nhận xét, thảo luận về đặc điểm nổi bật, ích lợi, công dụng của sự vật hiện tượng theo đặc điểm chung. Biết so sánh sự khác nhau và giống nhau, phân nhóm phân loại các đối tượng được quan sát.	- Động vật sống trong gia đình. - Động vật sống dưới nước. - Động vật sống trong rừng. - Các loại côn trùng và chim. - Cây xanh và môi trường sống. - Một số loại rau- củ. - Một số loại hoa. - Một số loại quả.
27. Trẻ nhận ra được sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. Biết phân biệt được đặc điểm, ích lợi, tác hại, mối quan hệ của các sự vật hiện tượng tự nhiên với cuộc sống con người.	- Thời tiết. - Ngày và đêm - Các ngày trong tuần. - Nước và mùa hè - Đất, đá, cát, sỏi - Một số hiện tượng: Nắng- mưa- gió bão, sấm sét

28. Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm.	- Các mùa trong năm : Mùa Xuân, mùa hạ, mùa thu , mùa đông(Bổ sung thêm) - Một số ngày lễ hội theo mùa trong năm - Một số đặc điểm đặc trưng của mùa: Mùa thu: Có tết trung thu; Mùa xuân: cây cối đâm chồi nảy lộc, có tết cổ truyền; mùa đông: giá rét, mùa hạ: nắng nóng, thả diều, tắm biển....
29. Trẻ dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Trò chơi trời nắng trời mưa - Giải câu đố về hiện tượng tự - Rèn một số kỹ năng phòng tránh thiên tai.
30. Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.	- Đồ dùng gia đình. - Đồ dùng trong lớp học
31. Trẻ nhận biết phân loại một số PTGT và quy định giao thông đơn giản.	- Phương tiện và QĐ giao thông đường bộ. - Phương tiện và QĐ giao thông đường thủy. - Phương tiện và QĐGT đường hàng không.
* LÀM QUEN VỚI CÁC KN SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN 32. Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng thứ tự
33. Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	- Nhận biết nhóm có 6 đối tượng. Đếm đến 6. Nhận biết chữ số 6 (Số 6 tiết 1) - Nhận biết nhóm có 7 đối tượng. Đếm đến 7. Nhận biết chữ số 7 (Số 7 tiết 1) - Nhận biết nhóm có 8 đối tượng. Đếm đến 8. Nhận biết chữ số 8 (Số 8 tiết 1) - Nhận biết nhóm có 9 đối tượng. Đếm đến 9. Nhận biết chữ số 9 (Số 9 tiết 1) - Nhận biết nhóm có 10 đối tượng. Đếm đến 10. Nhận biết chữ số 10 (Số 10 tiết 1)
34. Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 (Số 6 tiết 2) - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 7 (Số 7 tiết 2) - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 8 (Số 8 tiết 2) - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 9 (Số 9 tiết 2) - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 (Số 10 tiết 2)
35. Trẻ biết gộp/ tách 10 đối tượng ít	-Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách

nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	khác nhau và đếm trong phạm vi 6 (Số 6tiết 3) - Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 7 (Số 7tiết 3) - Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 8. (Số 8tiết 3) -Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 9. (Số 9 tiết 3) -Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 10. (Số 10tiết 3)
36. Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Trò chơi những con số vui nhộn. - Luyện đếm số lượng qua các trò chơi: tạo nhóm, thi ai đếm nhanh, con số gì đây.... - Số nhà, biển số xe, số điện thoại bố mẹ và người thân. - Số điện thoại khẩn cấp: cảnh sát 113; PCCC- cứu hộ- cứu nạn 114; cấp cứu 115
37. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu), sao chép lại và sáng tạo ra mẫu sắp xếp	-So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp Sắp xếp theo quy tắc xen kẽ 3 đối tượng
38. Trẻ sử dụng được một số dụng cụ để đo độ dài, dung tích của đối tượng; so sánh, nói kết quả.	- Mục đích phép đo. - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo - Đo dung tích các vật
39. Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ - Nhận biết, gọi tên khối vuông, khối chữ nhật, - Phân biệt khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật - Chắp ghép các hình hình học
40. Xác định được vị trí (phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái) của đồ vật trong không gian.	-XĐ vị trí phía trước- phía sau,- phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái của bản thân trẻ. -XĐ vị trí phía trước- phía sau- phía trên- phía dưới của bạn khác - XĐ vị trí phía trước- phía sau- phía trên- phía dưới với một vật nào đó làm chuẩn (Vật có sự định hướng)
41.Trẻ gọi tên các thứ, ngày trong tuần qua các hoạt động và sự kiện hàng ngày của trẻ. Biết được các mùa trong năm	- Nhận biết các thứ trong tuần -Nhận biết hôm qua, hôm nay và ngày mai. - Nhận biết các buổi trong ngày - các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông gắn với hoạt động lễ hội
42. Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ theo hướng dẫn của người	- Trẻ biết cách xem lịch. - Xem đồng hồ

lớn	
* KHÁM PHÁ XÃ HỘI 43. Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Minh Châu quê em - Đài tưởng niệm các AHLS - Nhà thờ Họ Tạ, - Trường tiểu học - Một số danh lam thắng cảnh di tích lịch sử của địa phương: Đền Đạu, Nhà thờ Tạ Công Luyện; chùa cổ Am
44. Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Bé giới thiệu về mình. - Trò chơi: Bé là ai
45. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình. - Nhu cầu của gia đình.
46. Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- trò chuyện, tìm hiểu: Địa chỉ gia đình bé - Ngôi nhà gia đình ở
47. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trường mầm non của bé. - Lớp học của bé. - Hoạt động trong trường mầm non
48. Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô, các bác trong trường. - Trò chơi: Cô giáo; Nấu ăn(HĐG);
49. Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Các bạn của bé. - Trò chơi: Tôi và bạn; bạn trai bạn gái; nghe giọng nói đoán tên bạn. Tìm bạn thân.
50. Trẻ biết tên, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	- Nghề sản xuất. - Nghề dịch vụ. - Nghề xây dựng - Một số nghề phổ biến ở địa phương.
51. Trẻ biết được đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội trong năm. Trẻ được tham gia vào các lễ hội qua các hoạt động văn nghệ, thể dục, hoạt động trải nghiệm.	- Ngày hội đến trường của bé. - Tết trung thu. - Ngày hội của cô giáo(20/11); - Ngày vui của các chú bộ đội(22/12) - Ngày vui của bà của mẹ(8/3); - Mừng sinh Nhật Bác Hồ(19/5) - Tết thiếu nhi 1- 6

52. Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Lễ hội Đền Công; - Lễ hội đền Hoàng (Họ Tạ); - Lèn hai vai - Biền Diễn Thành - Quảng trường Hồ Chí Minh - Quê nội quê ngoại Bác Hồ - Lễ hội sông nước Cửa Lò. - Việt Nam tươi đẹp
53. Trẻ biết được trường, lớp, các anh chị, đồ dùng và một số hoạt động của học sinh Tiểu học, chuẩn bị sẵn sàng vào Lớp Một	- Tham quan trường Tiểu học - Giao lưu trò chơi với học sinh Lớp Một - Một số hoạt động trải nghiệm - Một số trò chơi “ Rung chuông vàng”, Vui học cùng con”; “Bố mẹ làm gì khi con vào Lớp Một”

III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

* NGHE- HIỂU 54. Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	-Trò chơi: Nghe theo hiệu lệnh. Đội nào nhanh hơn
55. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát, từ trái nghĩa về sự vật hiện tượng	- Từ trái nghĩa: Cao – thấp; to- nhỏ; xanh- đỏ; Trắng – đen.... -Từ khái quát: PTGT, động vật, thực vật, đồ dùng gia đình; đồ dùng học tập; gia súc, gia cầm....
56. Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng khi giao tiếp với cô giáo; trẻ- trẻ; trẻ - người lớn. - Kể lại sự việc theo trình tự một số nội dung: đi thăm ông bà; đi chơi nhà bóng, đi chơi Siêu thị; đi sinh nhật bạn’
57. Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên , sợ hãi.	- Cho trẻ xem một số biểu hiện cảm xúc qua tranh ảnh; - Trò chơi: Biểu lộ cảm xúc qua nét mặt; - Tạo những khuôn mặt biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên
58. Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	* Trường MN Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương), Bàn tay cô giáo (Định Hải), Cô giáo, Bập bênh (Lê Thị Hiền), Gà học chữ (Phạm Trung Hiếu), Làm quen chữ số (Vương Trọng); Tay ngoan (Võ Thị Như Chon), Trăng ơi từ đâu đến (Trần Đăng Khoa); Bé học toán (Phan Thị Thu Huyền); Tình bạn (Trần Thị Hương); Mùa thu sang (Trần Đăng Khoa); Chơi ú tim (Phạm Hồ), Bạn mới;

Chủ đề Bản thân: Cái lưỡi (Lê Thị Mỹ Phương), Em ve (Gia Lai), Xòe tay(Phong Thu). Bé chẳng sợ tiêm, tay ngoan (Võ Thị Như chơn); Lời bé (Nguyễn Văn Bình); Mẹ của em (Trần Quang Vinh); Những con mắt (Trường mầm non tuổi thơ)

Chủ đề Gia đình:

Em yêu nhà em (Đàm Thị Lam Luyến), Làm anh (Phan Thị Thanh Nhàn), Giữa vòng gió thơm (Quang Huy), Ngôi nhà, Mẹ của em (Trần Quang Vinh); Quạt cho bà ngủ (Thạch Quỳ); Ông cháu nhà vịt (Trần Minh)

Chủ đề Nghề nghiệp:

Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thùy Hương), Làm bác sỹ (Lê Ngân), Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa), Chiếc cầu mới (Thái hoàng Linh), Cô giáo của con. Cái bát xinh xinh (Thanh Hòa); ước mơ của tỳ (Lưu Thị Ngọc Lễ); Làm bác sỹ; Bát cơm ngày mùa (Nguyễn Thị Thảo)

Chủ đề Thế giới động vật

Mèo đi câu cá (Thái hoàng Linh), Gà nở (Phạm Hổ), Gà mẹ đếm con (Nguyễn Duy Ché), Con chim chiền chiện (Huy Cận); Mèo đi câu cá (Thái Thùy Linh); Nàng tiên ốc (Phan Thị Thanh Nhàn); Chú bò tìm bạn;

Chủ đề : Thực vật

Hoa kết trái (Thu Hà), Hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương), Hoa đào (Mai Văn Hải), Ăn quả (Hồng Thu), Bó hoa tặng cô (Ngô Quân Miện), Cây đào; Giàn gấc (Đặng Vương Hưng); Mùa xuân (Trần Đăng Khoa); Lời chào của hoa; Chúng em chơi giao thông (Ngô Tô Hải), Bé và mẹ (Lương Thị Xiêm),

Chủ đề: Giao thông

Chú cảnh sát giao thông (Hương Mai), Cháu dắt tay cô (Bùi Thị Tình); cháu dắt tay ông (Nguyễn Phan Khuê); Đàn Kiến nó đi (Hương Mai); Tiếng còi tàu (Hồng Vy); Cô dạy con (Bùi Thị Tình); Giúp bà (Hoàng Thị Phảng)

Chủ đề Hiện tượng tự nhiên

Mùa hè của em (Tuyết Hoa), Bình minh trong vườn, Mưa (Trần Đăng khoa), Cầu vồng (Phạm Hổ). Nắng bốn mùa (Mai Anh Đức).Gió, Bình

	minh trong vườn, Mưa rơi (Xuân quỳnh). Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiền); Mùa xuân; Trăng rơi từ đâu đến, Trưa hè, Chủ đề: QH- ĐN- BH- Trường TH - Đi học (Bùi Đình Thảo), Bác Hồ của em(Phan Thị Thanh Nhàn), Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa), Gà học chữ, Quê em, Quê em vùng biển; Về quê (Nguyễn Thắng);
59. Trẻ biết thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. Kể lại truyện được nghe theo trình tự.	Chủ đề Trường MN Ngày đầu đến lớp, Mời bạn đến nhà, Thỏ trắng biết lỗi (Phùng Kim Liên), Bài học đầu năm, Mèo con và quyển sách (Trần Thị Thu); Món quà của cô giáo; Ai quan trọng nhất; Sự tích chú cuội cung trăng; Chủ đề: Bản thân Mỗi người một việc(Lê Thị Thu Hương), Cái mồm (Phùng Thành Chung), Cháu rất nhớ bạn ấy, Câu chuyện của tay trái tay phải(Lý Thị Minh Hà), Chuyện của dê con; Đôi tai xấu xí; Cái đuôi của sóc nâu; Giấc mơ kỳ lạ; Cháu rất nhớ bạn ấy; Chủ đề: Gia đình Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu), Ba cô gái (Thu Thủy), Bàn tay có nụ hôn (Thanh Nga); Hai anh em ; Cây gia đình của cóc nâu; Hai anh em gà con; Chủ đề Nghề nghiệp Hai anh em; Thân sắt; Ba cô gái; Con thích làm Bác sỹ; Sự tích cây khoai lang; Ba cô gái Chủ đề: Động vật Cây rau của thỏ út; Ba anh em (truyện cổ Grim) Chú dê đen (Nhà xuất bản giáo dục), Truyện của dê con, Dê con nhanh trí, mèo lại hoàn mèo (Truyện ngụ ngôn Việt Nam), Con gà trống kiêu căng (Trần Thị Ngọc tâm); Ai đáng khen nhiều hơn; Quả trứng của ai; Cuộc thi bơi của tôm cua cá; Cá diếc con; Bác sỹ chim; Chủ đề Thực vật Quả dưa hấu, Quả bầu tiên (Kim Tuyến), Cây trẻ trăm đốt (Phỏng theo truyện cổ tích), Sự tích Hoa hồng(Theo báo hoa hồng), Hoa bìm bìm, Sự tích bánh chưng bánh dày (Truyện cổ tích việt nam), Cây rau của thỏ út; Chiếc áo mùa xuân (Phương Anh); Chuyện của hoa phù dung

	(Nguyễn Thái Vân) Chủ đề Giao thông Một phen sợ hãi (Phạm Minh Thư), Kiên con đi xe ô tô (Phạm Mai Chi), Những tấm biển biết nói , Thỏ con đi học (Đỗ Thị Ngọc Anh), Qua đường (T.H); Vì sao thỏ cắt đuôi (Phạm Hoàng Yển); Những tấm biển biết nói (Nguyễn Đức); Chủ đề HTTN Sự tích ngày và đêm, Sơn tinh thủy tinh (Phỏng theo truyện cổ tích việt nam), Con vật bị rơi xuống nước, Giọt nước tý xíu (Nguyễn Linh); Nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh); Chú bé giọt nước; Cô con út của ông mặt trời (Thu Hằng); Chủ đề: QH- ĐN- BH- trường TH Sự tích Hồ gương (Phỏng theo truyền thuyết sự tích Hồ Gươm), Quả táo, Niềm vui bất ngờ (Nhà xuất bản Kim Đồng). Thánh gióng (Phỏng theo truyện cổ tích Việt Nam); Sơn tinh thủy tinh; Mèo con và quyển sách (Trần Thị Thu)
60. Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch một số câu chuyện phù hợp với độ tuổi: Dê đen dê trắng; Ai đáng khen nhiều hơn; Dê con nhanh trí; Qua đường; Cáo thỏ và gà trống..... Và một số câu chuyện phù hợp với chủ đề
* NÓI 61. Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
62.Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.
63.Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,..... của nhân vật.	-Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ngôn ngữ phù hợp với yêu cầu về hành động, tính cách, trạng thái.... của các nhân vật qua câu chuyện, bài thơ....
64. Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ: cảm ơn: khi được giúp đỡ, cho quà, xin lỗi: khi làm việc không đúng Xin phép: khi muốn có ý kiến; muốn đi ra ngoài.

	Dạ thưa: đối với người lớn tuổi hơn mình; ông bà, bố mẹ, anh chị và cô giáo.
65. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ khi giao tiếp, trò chuyện với người khác
66. Trẻ không nói tục chửi bậy	- Không nói tục, chửi bậy
LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC, VIẾT 67. Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, phần kết thúc. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Rèn kỹ năng đọc sách, đọc truyện.
68. Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Đọc truyện qua các tranh vẽ. - Kể chuyện sáng tạo theo kinh nghiệm của trẻ.
69. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Kí hiệu nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ; đi cầu thang máy.
70. Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	* Làm quen chữ cái - Chữ cái o, ô, ơ. - Chữ cái a, ă, â - Chữ cái e, ê - Chữ cái u, ư, - Chữ cái l, t, c - Chữ cái b, d, đ - Chữ cái m, n - Chữ cái h, k - Chữ cái p, q. - Chữ cái g, y - Chữ cái v, r. - Chữ cái s, x *Trò chơi chữ cái: Chữ cái o, ô, ơ. - Chữ cái a, ă, â - Chữ cái e, ê - Chữ cái u, ư, - Chữ cái l, t, c - Chữ cái b, d, đ - Chữ cái m, n - Chữ cái h, k - Chữ cái p, q. - Chữ cái g, y - Chữ cái v, r. - Chữ cái s, x
71. Trẻ biết cách tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của	- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái tên của mình. - Hướng viết của các nét chữ: Từ trái qua phải,

mình.	từ dòng trên xuống dòng dưới. Tô các nhóm chữ cái in rỗng
72. Cho trẻ làm quen với tiếng anh thông qua các hoạt động trong ngày.	Nghe, nhắc lại từ chỉ người tên đồ vật sự vật hiện tượng đơn giản trong phạm vi 150 từ, cụm từ; Sử dụng mẫu câu chào hỏi, tạm biệt trong phạm vi 1-3 từ....gần gũi quen thuộc phù hợp với lứa tuổi, chủ đề trong năm học. Nghe đếm từ số 1 đến số 10. - Làm quen với 1-5 ký hiệu tiếng Anh thông thường. - Tô màu một số nét chữ cái, từ tiếng Anh quen thuộc. - Một số bài hát, trò chơi bằng tiếng anh phù hợp với độ tuổi ;
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM	- Bé là ai? - Tên tuổi Bố, mẹ, ông, bà, anh chị em trong gia đình. - Số điện thoại người thân - Địa chỉ nhà mình ở đâu?
73. Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	
74. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Trò chơi: - Bé thích gì. - Bé không thích gì. - Bé cần làm việc gì - Những điều bé không được làm.
75. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Trò chơi: Tìm bạn thân; những bạn cùng chung sở thích. - Trò chuyện với trẻ về giới tính, khả năng, sở thích. - Rèn trẻ kỹ năng quan tâm giúp đỡ bạn bè.
76. Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
77. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Rèn kỹ năng lễ phép, vâng lời
78. Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (cất đặt đồ dùng cá nhân; vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Rèn kỹ năng hợp tác nhóm. Sắp xếp đồ dùng cá nhân Kỹ năng Gấp quần áo - Tham gia trực nhật ở các hoạt động học, chơi, ăn.
79. Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Rèn kỹ năng hợp tác trong các hoạt động vui chơi, lao động. - Thực hiện các bài tập được giao ở các hoạt

	động trong ngày.
80. Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ, qua tranh ảnh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, âm nhạc.
81. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Tổ chức một số trò chơi biểu lộ cảm xúc. - Biết thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh: Vui khi được cô giáo khen; buồn khi không hoàn thành nhiệm vụ; sợ hãi khi bị bạo hành; tức giận khi ai đó đổ lỗi cho mình;
82. Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè khi gặp khó khăn hoạn nạn, gặp chuyện không vui. - Chia sẻ, giúp đỡ những bạn khuyết tật gặp khó khăn trong học tập và các hoạt động khác
83. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Biết Bác Hồ là một vị lãnh tụ của đất nước. Bác rất yêu quý các cháu thiếu niên nhi đồng, quý mến tôn trọng các cụ già.... - Một số địa điểm gắn với hoạt động của bác: Quê nội quê ngoại của Bác ở Nam Đàn. Lăng Bác Hồ ở Quảng trường Ba Đình HN, Tượng Bác ở Quảng Trường HCM- Thành phố Vinh Nghệ An.
84. Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ
85. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Minh Châu quê hương em; - Nghệ An mến yêu; - Thủ đô Hà Nội. - Lễ hội đền Cuông; - Lễ hội sông nước cửa lò; - Tết cổ truyền; - Di tích lịch sử: Đền Cuông, Lèn Hai Vai; Chùa cổ Am; Biển Diễn Thành; Quê nội quê ngoại Bác Hồ; Lăng Bác Hồ ở thủ đô Hà Nội; - Trẻ biết được: Trang phục truyền thống của đất nước: Phụ nữ mặc áo dài; áo đỏ sao vàng biểu tượng cho đất nước VN
* PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI 86. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi	- Một số quy định ở lớp: để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ,; đi bên phải đường, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.

phải xin phép.	- Tổ chức một số trò chơi, đóng kịch:
87. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Rèn kỹ năng lễ phép: Cảm ơn khi được người khác giúp đỡ và tặng quà; xin lỗi khi nói và làm không đúng; chào hỏi cô giáo, bố mẹ, ông bà và người lớn.
88. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt ngang lời người khác đang nói chuyện.
89. Biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác và chấp nhận trong các hoạt động học, chơi, lao động, ăn, ngủ
90. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm chia sẻ, giúp đỡ bạn trong các hoạt động.
91. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Biết dùng lời nói, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn để giải quyết mâu thuẫn có hiệu quả.
92. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối gần gũi xung quanh trẻ. - Kỹ năng Giã vừng lạc; Gieo giá đậu; Pha nước chanh; nước trà tắc; Làm bánh khoai lang kén...
93. Trẻ nhận xét được một số hành vi "đúng sai"; "tốt xấu" của con người đối với môi trường..	Thực hiện những hành vi đúng với môi trường: Chăm sóc cây cối: Tưới nước, bắt sâu, nhổ cỏ, bón phân, trồng thêm cây xanh..... Không làm và có ý kiến với người lớn khi người khác có những hành vi sai trái với môi trường: Bẻ cành, hái quả xanh, dậm lên cây, hoa, xả nước và rác bừa bãi...
94. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Biết nhắc nhở Giữ vệ sinh môi trường Không khạc nhổ bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định, đi vệ sinh đúng nơi quy định.. trong trường học, nơi công cộng và ở gia đình mình.
95. Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm nguồn nước, điện: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, - Vệ sinh rửa tay, lau mặt - Đi vệ sinh - Chăm sóc bồn hoa cây cảnh

V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

96. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
97. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài	- Lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc: hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa các bài hát, bản nhạc phù hợp với độ tuổi.

hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi. - Thích nghe và kể câu chuyện gần gũi, phù hợp với chủ đề, phù hợp với độ tuổi. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau(nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc nhẹ, nhạc nước ngoài...)
98. Nhận ra giai điệu(vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.	Trường MN: Cô giáo miền xuôi (Lời:Minh Chinh, Bùi Đình Thảo), (Phạm Tuyên), Ngày đầu tiên đi học (Nhạc:Nguyễn Ngọc Thiệp.Lời Viễn Phương). Bản thân: Tìm bạn thân (Việt Anh), Nắm tay thân thiết (Nhạc:Hàn Quốc), Em là bông hồng nhỏ (Trịnh Công Sơn). Gia đình: Chỉ có một trên đời (Trương Quang Lục), Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc:Phạm Tuyên.Lời Lâm Thị Mỹ Dạ), Lời ru trên nường (Nhạc:Trần Hoàn.Lời Nguyễn Khoa Điềm), Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo); Cho con Ru con (DC Nam bộ); Nghề nghiệp:Ngày mùa (Văn Cao). Xe chỉ luân kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Ước mơ xanh, Hạt gạo làng ta (Trần Đăng Khoa), Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý); Đi cấy (DC Thanh Hóa); Động vật: Cái bóng,Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền), Lý con khi (Dân ca nam bộ), Con mèo ra bờ sông (Hoàng Hà); Con chim vành khuyên (Hoàng Vân); Tôm cua cá đua tài; Trời nắng trời mưa Thực vật: Chúc tết , Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiệp), Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Cây trúc xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Miền nam của em (Hoàng Nguyễn); Giao thông: Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Anh phi công ơi (Nhạc:Xuân Giao.Thơ:Xuân Quỳnh), Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến); Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến); Bỏ là tất cả (Thập Nhất); HTTN: Mưa rơi(Dân ca Xá), Đêm sao, Hạt nắng hạt mưa; Reo vang bình minh (Lưu Hữu Phước);

	QH-ĐN-BH- trường TH: Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (<i>Hoàng Long-Hoàng Lân</i>), Em yêu trường em (<i>Hoàng Vân</i>), Em như chim bồ câu trắng (<i>Trần ngọc</i>), Đi học (<i>Bùi Đình Thảo</i>); Gửi anh một khúc dân ca; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh Hơn thiếu niên nhi đồng (<i>Phong Nhã</i>); Trái đất này là của chúng mình (<i>Định Hải</i>);
99. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Mầm non: Ngày vui của bé (<i>Hoàng Văn Yến</i>), Em đi mẫu giáo (<i>Dương Minh Viên</i>) Vườn trường mùa thu (<i>Cao Minh Khanh</i>), Những khúc nhạc hồng (<i>Trần Xuân Mẫn</i>), Bàn tay cô giáo (<i>Nhạc:Phạm Tuyên -Lời:Định Hải</i>), Rước đèn dưới trăng (<i>Phạm Tuyên</i>), Gác Trăng (<i>Nhạc:Hoàng Văn Yến. Lời: Nguyễn Trí Tâm</i>). Hoa trường em (<i>Dương Hưng Bang</i>); Đêm trung thu (<i>Phùng Như Thạch</i>) - Bản thân: Cái mũi (<i>Nhạc:Nước ngoài.Lời:Lê Đức-Thu Hiền</i>), Càng lớn càng ngoan, Mời bạn ăn (<i>Trần Ngọc</i>), Khuôn mặt cười (<i>Nhạc:Hàn Quốc</i>), Đường và chân (<i>Nhạc:Hoàng Long.Lời:Xuân Tửu</i>); Tôi bị ốm; Gà gáy vang dậy bạn ơi (<i>Văn Dung</i>); Nắng sớm (<i>Hàn Ngọc Bích</i>); Cùng đi đều; Tay thơm tay ngoan (<i>Bùi Đình Thảo</i>); -Gia đình: Múa cho mẹ xem (<i>Xuân Giao</i>), Ông cháu (<i>Phong Nhã</i>), Bé Chăm quét nhà (<i>Hà Đức Hậu</i>), Cả nhà đều yêu (<i>Bùi Anh Tôn</i>), Bà còng (<i>Phạm Tuyên</i>); Nhà của tôi (<i>Chu Hiền</i>); Nghề nghiệp: TC: Nghe tiết tấu tìm đồ vật, Nhìn hình đoán tên bài hát; Cô giáo miền xuôi (<i>Mộng Lân</i>), Cháu yêu cô chú công nhân (<i>Hoàng Văn Yến</i>), Lớn lên cháu lái máy cày (<i>Kim Hữu</i>), Bác đưa thư vui tính (<i>Hoàng Lân</i>); Cháu yêu cô thợ dệt (<i>Thu Hiền</i>); Cháu thương chú bộ đội (<i>Hoàng Văn Yến</i>); Chú bộ đội đi xa; - Động vật: Chú mèo con (<i>Nguyễn Đức Toàn</i>), Cá vàng bơi (<i>Hà Hải</i>), Chú voi con (<i>Phạm Tuyên</i>), Vật nuôi (<i>Nhạc:Anh.Dịch:Đào Ngọc Dung,Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê</i>), Chim chích bông (<i>Nhạc:Văn Dung - Lời Nguyễn Viết Bình</i>), Những khúc nhạc hồng (<i>Trần Xuân Mẫn</i>), Đố bạn (<i>Hồng Ngọc</i>); Voi làm xiếc;

	Chú voi con ở bản Đôn (<i>Phạm Tuyên</i>) -Thực vật: Quả (<i>Xanh Xanh</i>), Bầu và bí (<i>Nhạc:Phạm Tuyên.Lời:Dân ca cổ</i>), Hoa Trường em (<i>Dương Hưng Bang</i>), Màu hoa (Hồng Đăng), Mùa xuân (<i>Hoàng Văn Yến</i>), Em yêu cây xanh (<i>Hoàng Văn Yến</i>), Em thêm một tuổi (<i>Trương Quang Lục</i>), Lá xanh (<i>Thái Cơ</i>), Mùa xuân đến rồi (<i>Phạm Thị Sửu</i>), Ngày vui 8-3 (<i>Hoàng Văn Yến</i>).Sắp đến tết rồi (<i>Hoàng Văn</i>); Cùng múa hát mừng xuân (<i>Hoàng Hà</i>) * Giao thông: - Em đi chơi thuyền (<i>Trần Kiết Tường</i>), Đèn đỏ, đèn xanh (<i>Nhạc:luong Vĩnh.Thơ: Thế hội</i>), Em đi qua ngã tư đường phố (<i>Hoàng Văn Yến</i>); Đường em đi (<i>Ngô Quốc Tính</i>); Lái máy bay (<i>Xuân Giao</i>); Đi đường em nhớ (<i>Nguyễn Thị Thanh</i>) * Hiện tượng tự nhiên: -Mùa hè đến (<i>Nguyễn Thị Nhung</i>),Cho tôi đi làm mưa với (<i>Hoàng Hà</i>), Ánh trăng hòa bình (<i>Nhạc: Hồ Bắc. Lời Mộng Lân</i>). Cháu vẽ ông mặt trời (<i>Tân Huyền</i>); Nắng sớm (<i>Hàn Ngọc Bích</i>); Trời nắng trời mưa (<i>Đặng Nhật Mai</i>) * Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - TTH -Tạm biệt búp bê (<i>Hoàng Thông</i>),Nhớ Giọng Bác Hồ (<i>Nhạc Thanh phúc.Lời: Tạ Hữu Yên</i>), Nhớ Bác (<i>Phan huỳnh Điểu</i>), Em mơ gặp Bác Hồ (<i>Xuân Giao</i>); Yêu Hà Nội (<i>Bảo Trọng</i>); Dâng hoa lên ông và Bác (<i>Phạm Thị Sửu</i>); Múa với bạn tây nguyên (<i>Phạm Tuyên</i>), Cháu vẫn nhớ trường mầm non (<i>Hoàng Lân</i>)
100. Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức như tiết tấu chậm, tiết tấu nhanh, tiết tấu phối hợp; vận động minh họa..... phù hợp với bài hát hoặc bản nhạc. Sáng tạo ra các hình thức để vận động, hát múa, nhún nhảy, lắc lư theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Lựa chọn những bài hát ở mục tiêu 99 đưa ra hình thức vận động phù hợp với nội dung bài hát và chủ đề. * Trò chơi âm nhạc: Tai ai tinh, - Hát theo hình vẽ, somi, Nghe Nghe tiết tấu tìm đồ vật. - Nghe tiếng hát tìm đồ vật, - Nghe âm thanh tìm đồ vật, Bạn nào hát, Ai nhanh nhất - Ai đoán giỏi - Tạo dáng, So mi, thỏ nhảy vào chuồng; Chim gõ kiến; - Hát theo tay nhịp, Bao nhiêu bạn hát

101. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Quan sát tranh ảnh, vật thật về các sự vật. - Trưng bày và nhận xét sản phẩm tạo hình.
102. Trẻ biết cách phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên(đá, sỏi, lá cây, cát, Vỏ cây, quả, hoa...), phế liệu(chai lọ, các loại vải, sợi, họa báo...): Đồ chơi trong lớp học; đồ dùng , người thân trong gia đình; làm hình người; tạo hình con vật từ các lá cây, sỏi đá, chai lọ. Các PTGT; sản phẩm của các nghề; rau củ quả.....
103. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	* Trường MN Vẽ tô màu đồ chơi trong trường Mầm non ; Trang trí rèm cửa lớp học. * Bản thân Vẽ tô màu chân dung bé * Gia đình Vẽ chân dung người thân trong gia đình. Vẽ cái nôi. Vẽ tô màu cô giáo * Nghề nghiệp Vẽ đồ dùng dụng cụ nghề nông. Vẽ trang trí cái cốc Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo. * Thực vật Tạo hoa lá bằng dầu vân tay * Động vật - Vẽ con gà trống. - Vẽ theo chủ đề * Giao thông - Vẽ tàu thuyền trên biển - Vẽ cảnh biển - Vẽ theo chủ đề * QH-ĐN-BH- Trường TH - Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích. - Vẽ cảnh quê hương em. - Vẽ vườn hoa lăng Bác. - Tạo hình theo ý thích. - Vẽ đồ dùng học tập - Vẽ tô màu trường tiểu học
104. Trẻ biết phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc	* Bản thân - Cắt dán áo bạn trai, bạn gái. - Trang trí khăn quàng cổ.

hài hoà, bố cục cân đối.	* Gia đình - Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học. - Cắt dán tủ quần áo * Nghề nghiệp Cắt dán hình ảnh một số nghề. * Thực vật - Xé dán cây ăn quả - Trang trí bưu thiếp ngày tết - Trang trí tán lá cây - Tạo hình rau củ quả * Động vật - Xé dán đàn cá - Cắt dán động vật sông trong rừng * Giao thông - Cắt dán ô tô - Xé dán cột đèn hiệu giao thông * HTTN - Xé dán mây * QH-ĐN-BH- Trường TH - Xé dán bức tranh phong cảnh
105. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	* Bản thân Nặn các loại bánh. * Gia đình Nặn đồ dùng gia đình. Nặn hình người * Động vật Nặn con vật * Thực vật Nặn một số loại hoa. Nặn một số loại quả. Nặn các phương tiện giao thông.
106. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp, gấp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	* Bản thân - Làm găng - Làm đồ hồ đeo tay * Gia đình - làm cà vạt tặng bố. - Làm thiệp tặng cô giáo * Thực vật - Gấp hoa sen - Trang trí hoa đào hoa mai * Động vật - Mô hình thế giới đại dương. - Làm con cá * Giao thông - Gấp thuyền

	- Làm ô tô * HTTN - Làm mưa ngũ sắc. * QH-ĐN-BH- Trường TH Trang trí thiệp chúc mừng SN Bác Hồ
107. Nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
108. Trẻ tự lựa chọn đạo cụ và nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn) - Tự chọn dụng cụ để gõ đệm các bài hát, bản nhạc yêu thích
109. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình của bạn: về cách vẽ, bố cục , màu sắc, ý tưởng.
110. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo ý của trẻ.

DỰ KIẾN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GDMN 5-6 TUỔI

Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số	Thời gian thực hiện
--------	--------------	----	---------------------

		tuần	
Trường Mầm non (4 tuần)	Trường MN Diễn cát	1	Ngày 15/9/2025 đến ngày 19/9/2025
	Lớp học của bé	2	Ngày 22/9/2025 đến ngày 26/9/2025
	Tết trung thu	3	Ngày 29/9/2025 đến ngày 3/10/2025
	HD trong trường MN	4	Ngày 6/10/2025 đến ngày 10/10/2025
Bản thân (3 tuần)	- Bé tự giới thiệu về mình	5	Ngày 13/10/2025 đến ngày 17/10/2025
	- Cơ thể bé và bạn	6	Ngày 20/10/2025 đến ngày 24/10/2025
	- Bé cần gì lớn lên và khỏe mạnh	7	Ngày 27/10/2025 đến ngày 31/10/2025
Gia đình (5 tuần)	- Những người thân trong gia đình	8	Ngày 3/11/2025 đến ngày 7/11/2025
	Ngôi nhà thân yêu của bé	9	Ngày 10/11/2025 đến ngày 14/11/2025
	Tết trung thu	10	Ngày 17/11/2025 đến ngày 21/11/2025
	Đồ dùng của gia đình	11	Ngày 24/11/2025 đến ngày 28/11/2025
	Nhu cầu của gia đình	12	Ngày 1/12/2025 đến ngày 5/12/2025
Nghề nghiệp (4 tuần)	Nghề nông	13	Ngày 8/12/2025 đến ngày 12/12/2025
	Chú bộ đội mến yêu	14	Ngày 15/12/2025 đến ngày 19/12/2025
	Nghề Xây dựng	15	Ngày 22/12/2025 đến ngày 26/12/2025
	Nghề dịch vụ	16	Ngày 29/12/2025 đến ngày 2/1/2026
Động vật (4 tuần)	Động vật nuôi trong gia đình	17	Ngày 5/1/2026 đến ngày 9/1/2026
	Động vật sống dưới nước	18	Ngày 12/1/2026 đến ngày 16/1/2026
	Động vật sống trong rừng	19	Ngày 19/1/2026 đến ngày 23/1/2026
	Côn trùng và chim	20	Ngày 26/1/2026 đến ngày 30/1/2026
Thực vật (5 tuần)	Cây xanh và MT sống	21	Ngày 2/2/2026 đến ngày 6/2/2026
	Tết và mùa xuân	22	Ngày 9/2/2026 đến ngày 13/2/2026
	Những bông hoa đẹp	23	Ngày 23/2/2026 đến ngày 27/2/2026
	Ngày vui của bà của mẹ	24	Ngày 2/3/2026 đến ngày 6/3/2026
	Các loại Rau củ quả	25	Ngày 9/3/2026 đến ngày 13/3/2026
Giao thông (3 tuần)	Phương tiện và QĐ GT đường bộ	26	Ngày 16/3/2026 đến ngày 20/3/2026
	Phương tiện và QĐ GT đường thủy	27	Ngày 23/3/2026 đến ngày 27/3/2026
	Phương tiện và QĐGT đường không	28	Ngày 30/3/2026 đến ngày 3/4/2026
HTTN (3 tuần)	Nước	29	Ngày 6/4/2026 đến ngày 10/4/2026
	Một số HTTN	30	Ngày 13/4/2026 đến ngày 17/4/2026
	Mùa hè	31	Ngày 20/4/2026 đến ngày 24/4/2026
QH-ĐN-Bác Hồ-Trường Tiểu học (4 tuần)	Minh Châu quê em	32	Ngày 27/4/2026 đến ngày 1/5/2026
	Việt Nam mến yêu	33	Ngày 4/5/2026 đến ngày 8/5/2026
	Trường Tiểu học	34	Ngày 11/5/2026 đến ngày 15/5/2026
	Bác Hồ kính yêu	35	Ngày 18/5/2025 đến ngày 22/5/2025

Tổng tuần		35	
----------------------	--	-----------	--

Minh Châu, ngày 10 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Thị Thắm